Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-06-10 16:59:52 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:188/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11;

Căn cứ Nghị quyết số 248/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã/phường (sau đây gọi chung là xã) biên giới đất liền bao gồm: đối tượng áp dụng; nguyên tắc hưởng chính sách; mức hưởng chính sách; phê duyệt học sinh hưởng chính sách và quy trình cấp phát gạo; nguồn kinh phí thực hiện chính sách; quy trình lập, phân bổ dự toán, quản lý, quyết toán kinh phí và tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng gồm học sinh học tại các trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền.

3. Học sinh nước láng giềng học tại trường phổ thông nội trú hưởng chính sách theo các thỏa thuận hợp tác song phương và theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc hưởng chính sách

1. Học sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất của các chính sách.

2. Học sinh là đối tượng được hưởng chính sách khác về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp xã hội, học bổng khuyến khích học tập thì vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị định này.

3. Trường hợp học sinh phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định này trong thời gian tạm dừng học.

Chương II
MỨC HƯỞNG CHÍNH SÁCH

Điều 3. Mức hưởng chính sách đối với học sinh

1. Hỗ trợ tiền ăn

a) Mỗi học sinh bán trú buổi trưa được hỗ trợ tiền ăn trưa mỗi tháng là 450.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

b) Mỗi học sinh nội trú được hỗ trợ tiền ăn mỗi tháng là 1.170.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

2. Hỗ trợ gạo

a) Mỗi học sinh bán trú buổi trưa được hỗ trợ mỗi tháng 8 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

b) Mỗi học sinh nội trú được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

3. Hỗ trợ trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm

a) Mỗi năm học, học sinh trường phổ thông nội trú được hỗ trợ tiền mua 02 bộ quần áo đồng phục và học phẩm gồm: Vở, giấy, bút và các dụng cụ học tập khác với mức kinh phí là 2.050.000 đồng/học sinh;

b) Mỗi cấp học, học sinh nội trú được cấp một lần bằng hiện vật gồm: Chăn, màn và các đồ dùng cá nhân khác với mức kinh phí là 2.050.000 đồng/học sinh.

4. Học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số có học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng thêm 1 tháng các chính sách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Mức hưởng chính sách đối với trường phổ thông nội trú

1. Trường phổ thông nội trú được Nhà nước ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại, đầy đủ công năng phục vụ việc học tập, rèn luyện thể chất, văn hóa, văn nghệ, bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức, lòng yêu nước và các điều kiện sinh hoạt, bảo đảm tuyệt đối an toàn, đáp ứng điều kiện cơ sở vật chất quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú, tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường phổ thông và Nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

2. Trường phổ thông nội trú được cấp kinh phí để vận hành, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị duy trì hoạt động thường xuyên bảo đảm ổn định, lâu dài với mức 100.000 đồng/1 học sinh/tháng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

3. Ngoài kinh phí được cấp cho hoạt động thường xuyên theo quy định áp dụng đối với trường phổ thông trên cùng địa bàn xã do cấp có thẩm quyền phê duyệt, trường phổ thông nội trú còn được cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ của trường chuyên biệt như sau:

a) Kinh phí tổ chức khám sức khỏe hằng năm cho học sinh, lập tủ thuốc dùng chung, mua các loại thuốc thông thường. Các mức kinh phí được cấp bằng mức chính sách cùng loại đối với trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, sinh viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

b) Kinh phí để tổ chức hoạt động giáo dục đặc thù, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao và mua sắm, bổ sung dụng cụ, thiết bị phục vụ cho các hoạt động của học sinh với mức hỗ trợ là 540.000 đồng/học sinh/năm học;

c) Kinh phí mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ nhà ăn, nhà bếp; kinh phí làm thẻ học sinh và phù hiệu cá nhân, công tác tuyển sinh đầu cấp, thi tốt nghiệp, thi cuối khóa. Các mức kinh phí được cấp bằng mức chính sách cùng loại đối với trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, sinh viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

d) Tiền điện, nước phục vụ học tập và sinh hoạt, kinh phí phục vụ nấu ăn, kinh phí thực hiện quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp đối với học sinh nội trú được cấp bằng mức hỗ trợ cùng loại đối với trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, sinh viên ở vùng đồng bào dân tộc

thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Tiền điện, nước phục vụ học tập và sinh hoạt, kinh phí phục vụ nấu ăn, kinh phí thực hiện quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp đối với học sinh bán trú buổi trưa được cấp bằng 50% định mức hỗ trợ cùng loại đối với học sinh nội trú;

Trong trường hợp mất điện, mất nước do điều kiện khách quan thì nhà trường được sử dụng kinh phí để mua thiết bị thắp sáng và mua nước sạch, thiết bị dẫn, chứa nước sạch cho học sinh;

Trường hợp có tổ chức học tiếng Việt cho học sinh lớp 1 là người dân tộc thiểu số trước khi vào học chương trình lớp 1 thì được hưởng các chính sách qui định tại điểm này thêm 1 tháng theo thực tế hoạt động.

Chương III
PHÊ DUYỆT HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH TỔ CHỨC CẤP PHÁT GẠO CHO HỌC SINH

Điều 5. Phê duyệt học sinh hưởng chính sách

1.Việc phê duyệt học sinh nội trú, học sinh bán trú buổi trưa được thực hiện trong kỳ tuyển sinh của trường phổ thông nội trú và học sinh được hưởng chính sách đến hết cấp học. Trường hợp học sinh tự nguyện thôi hưởng chính sách thì cha, mẹ, người giám hộ có trách nhiệm thông báo với nhà trường bằng văn bản.

2. Số lượng học sinh được hưởng chính sách học sinh nội trú phải phù hợp các điều kiện bảo đảm chất lượng của nhà trường, phù hợp với thực tiễn khó khăn về địa hình và khoảng cách địa lý của địa phương và thực hiện theo chỉ tiêu học sinh nội trú của mỗi trường được phê duyệt trong kế hoạch tuyển sinh hàng năm.

Điều 6. Quy trình tổ chức cấp phát gạo cho học sinh

1. Xây dựng kế hoạch hỗ trợ gạo

Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) xây dựng kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh của tỉnh, thành phố với nội dung gồm:

a) Tổng hợp số lượng học sinh được hỗ trợ gạo theo từng đối tượng, từng trường;

b) Tổng hợp số lượng gạo cần hỗ trợ (tính cho cả năm học);

c) Thời gian dự kiến tiếp nhận gạo trong năm học cần ghi rõ ngày, tháng nhận gạo (theo số đợt tiếp nhận gạo từng học kỳ của năm học).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ gạo cho học sinh gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 7 hằng năm.

3. Căn cứ báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định xuất hỗ trợ gạo cho học sinh theo quy định; thời gian ban hành Quyết định hỗ trợ gạo trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

4. Phương thức vận chuyển, giao nhận

Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức vận chuyển gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh và giao cho đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh, thành phố tại trung tâm các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố được hỗ trợ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho một đơn vị tiếp nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho học sinh của tỉnh, thành phố. Đơn vị tiếp nhận gạo của tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận gạo trên phương tiện vận chuyển của bên giao tại trung tâm các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố; hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức vận chuyển gạo về các cơ sở giáo dục để tổ chức bữa ăn cho đối tượng được hỗ trợ.

5. Thời gian giao nhận gạo: Các đơn vị dự trữ quốc gia tổ chức giao nhận gạo theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tối đa 02 lần/học kỳ (04 lần/năm học).

6. Quản lý việc xuất cấp và sử dụng gạo hỗ trợ học sinh

a) Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xuất cấp gạo dự trữ quốc gia để hỗ trợ cho học sinh theo thời gian quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn việc tiếp nhận, cấp phát và sử dụng gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh của địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về việc quản lý, phân phối, sử dụng gạo hỗ trợ cho học sinh của địa phương;

c) Định kỳ kết thúc năm học, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả việc tiếp nhận, sử dụng, cấp phát gạo cho học sinh đến Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Về xử lý gạo dự trữ quốc gia được xuất cấp

a) Trường hợp địa phương có nhu cầu thực tế tiếp nhận số lượng gạo thấp hơn so với Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành, đơn vị dự trữ quốc gia thực hiện xuất cấp theo nhu cầu thực tế;

b) Trường hợp địa phương trong năm học có phát sinh nhu cầu hỗ trợ gạo lớn hơn so với Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, có văn bản đề nghị xuất cấp bổ sung gạo gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 hằng năm. Bộ Tài chính thực hiện xuất cấp bổ sung gạo hỗ trợ cho học sinh trong phạm vi của năm học, không xuất cấp bổ sung gạo khi năm học đã kết thúc.

8. Về chất lượng gạo xuất cấp và công tác quản lý chất lượng gạo dự trữ quốc gia xuất cấp

a) Chất lượng gạo dự trữ quốc gia xuất cấp phải đáp ứng tiêu chuẩn gạo dự trữ quốc gia xuất kho theo quy định của quy chuẩn gạo dự trữ quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;

b) Trong quá trình giao, nhận gạo, các bên (đơn vị dự trữ nhà nước giao gạo và đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận gạo) lập biên bản giao nhận gạo; tổ chức lấy mẫu gạo (có xác nhận của các bên), thống nhất niêm phong mẫu gạo, lưu giữ tại bên giao, bên nhận; mẫu gạo phải được lưu giữ cẩn thận để đối chứng (nếu có) trong trường hợp có phản ánh về chất lượng;

c) Cơ sở giáo dục trực tiếp nhận gạo hỗ trợ có trách nhiệm bảo quản an toàn về số lượng, chất lượng đối với số gạo được tiếp nhận; chịu mọi trách nhiệm trong việc quản lý, bảo quản không an toàn dẫn đến gạo bị hư hỏng, giảm chất lượng, không bảo đảm đủ số lượng gạo đã tiếp nhận.

Chương IV
NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH LẬP, PHÂN BỔ DỰ TOÁN, QUẢN LÝ, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách

1. Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước bao gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chính sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Kinh phí thực hiện chính sách tại Nghị định này được cân đối trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp quản lý hiện hành. Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 4 Điều 3 đối với kinh phí hỗ trợ tiền ăn; khoản 2 Điều 4; điểm a, b khoản 3 Điều 4 Nghị định này theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ;

b) Nguồn vốn xã hội hóa giáo dục và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Nguồn gạo hỗ trợ để thực hiện chính sách được cấp từ nguồn dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển gạo từ kho dự trữ quốc gia đến trung tâm đơn vị hành chính cấp xã được bố trí từ chi dự trữ quốc gia. Kinh phí vận chuyển

gạo từ trung tâm đơn vị hành chính cấp xã đến cơ sở giáo dục (đơn vị trực tiếp sử dụng gạo) được cân đối bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của địa phương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 8. Quy trình lập, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Hằng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các trường phổ thông nội trú căn cứ số lượng học sinh được hưởng chính sách nội trú và bán trú buổi trưa theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 để xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho học sinh và hỗ trợ cho trường phổ thông nội trú (không bao gồm hỗ trợ gạo).

2. Các trường phổ thông nội trú thuộc phạm vi quản lý của cấp xã gửi báo cáo dự toán về Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 gửi cơ quan tài chính cùng cấp để làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.

3. Các trường phổ thông nội trú thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh gửi báo cáo dự toán theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp gửi cơ quan tài chính cùng cấp để làm căn cứ xác định, bố trí dự toán kinh phí của năm kế hoạch.

4. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức, chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Chính phủ.

2. Bộ Tài chính

a) Bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chính sách quy định tại Nghị định này theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành;

b) Cấp gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trên cơ sở đề nghị của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bảo đảm phù hợp với thời gian và sự tăng, giảm số lượng học sinh thụ hưởng chính sách trong mỗi học kỳ của năm học; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả xuất cấp gạo dự trữ quốc gia theo quy định;

c) Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định của Chính phủ;

d) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn xây dựng, bảo đảm cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục có đối tượng được hưởng chính sách tại Nghị định này.

3. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, các địa phương chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này.

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp

a) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. Mức hỗ trợ tại Nghị định này là mức tối thiểu, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương có thể quyết định bổ sung chính sách, nâng mức hỗ trợ cho học sinh và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này, trong đó có hướng dẫn việc lựa chọn phương án tổ chức nấu ăn; sử dụng kinh phí phục vụ nấu ăn, quản lý học sinh ngoài giờ lên lớp phù hợp với điều kiện thực tế về nhân sự hỗ trợ giáo dục tại các nhà trường và quy định của pháp luật;

Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông nội trú phù hợp đặc thù của mỗi vùng, miền, từng cấp học và chương trình giáo dục phổ thông hiện hành để thực hiện chính sách quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định này;

Mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 4 là cơ sở để xác định tổng kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương. Việc phân bổ cụ thể nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí vận hành, bảo trì công trình, máy móc, thiết bị cho các trường phổ thông nội trú do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trên cơ sở điều kiện thực tế, quy mô của từng trường và tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;

Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện các chính sách tại địa phương; tổ chức kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành; thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định.

5. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hội đồng nhân dân cấp xã

Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách theo quy định tại Nghị định này thuộc phạm vi quản lý;

Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp xã để quyết định các giải pháp bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính cho thực hiện chính sách thuộc phạm vi quản lý; tổ chức kiểm tra đối với quá trình chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách của các đơn vị dự toán trực thuộc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

Tổ chức lập, trình cấp có thẩm quyền và phân bổ bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định này. Thực hiện chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước theo quy định.

6. Trường phổ thông nội trú xã biên giới

a) Chịu trách nhiệm lập danh sách học sinh hưởng chính sách, xây dựng dự toán kinh phí, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện chính sách bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

2. Xã, phường biên giới trong Nghị định này áp dụng trên địa bàn theo quy định của Chính phủ.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

-

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Tiến Châu

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Danh sách học sinh hưởng chính sách học sinh nội trú
Mẫu số 02	Danh sách học sinh hưởng chính sách học sinh bán trú buổi trưa
Mẫu số 03	Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ tiền ăn và hỗ trợ tiền gạo cho học sinh nội trú
Mẫu số 04	Dự toán đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ tiền ăn và hỗ trợ tiền gạo cho học sinh bán trú buổi trưa

Mẫu số 01

CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC …….

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH NỘI TRÚ

TT	Họ và tên	Khóa học	Số CCCD/CC/ số định danh	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Số tháng	Tổng số tiền được hỗ trợ/ năm học
	Tổng cộng					

....., ngày..... tháng..... năm .....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC
(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)

Mẫu số 02

CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC …….

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ BUỔI TRƯA

TT	Họ và tên	Khóa học	Số CCCD/CC/ số định danh	Tiền ăn được hỗ trợ/ tháng	Gạo được hỗ trợ/ tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/ năm học	Tổng số gạo được hỗ trợ/ năm học (kg)
	Tổng cộng							

....., ngày..... tháng..... năm .....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)

Mẫu số 03

CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC …....

DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH NỘI TRÚ

TT	Số lượng học sinh nội trú	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú

.....ngày..... tháng.....năm .....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

CƠ QUAN QUẢN LÝ TRỰC TIẾP
TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC …….

DỰ TOÁN ĐỀ NGHỊ CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN ĂN VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH BÁN TRÚ BUỔI TRƯA

TT	Số lượng học sinh bán trú buổi trưa	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú

.....ngày..... tháng.....năm .....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)